TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị Phương và anh Diệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: *Không*.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1989;

Nơi ĐKHKTT: Thô Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh B; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 2, K5, Trại giam P, xã G, huyện C, tỉnh H.

(Chị P và anh D vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là xã H), huyện T, tỉnh B ngày 23/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, mặt khác anh D thường xuyên cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tháng 6/2021, anh D bị bắt và

xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Hiện anh D đang chấp hành án tại Đội 2, K5, trại giam P. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị P xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/8/2020. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị. Ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Xuân D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là xã H) ngày 23/7/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do cả hai không còn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam P. Nay chị P xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân D xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/8/2020. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị P. Do hiện tại anh đang chấp hành án nên anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân D xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vụ án không hòa giải được nên phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T, tỉnh B và hiện đang chấp hành án tại Trại giam P vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Xuân D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị

P và anh Nguyễn Xuân D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay nhưng cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân và cả hai đều không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Nay chị P xin ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị P và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị P được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Xuân D đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/8/2020. Xét thấy, chị P và anh D đều có nguyện vọng giao cả hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, con Nguyễn Ngọc Quỳnh A cũng có nguyện vọng được ở cùng chị P vì vậy cần giao cả hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị P không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện, cần chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Xuân D đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Xuân D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Nguyễn Xuân D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi cả hai con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/8/2020. Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu anh Nguyễn Xuân DiSệu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Xuân D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Xuân D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004194 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Xuân D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình*
- *Chi cục THADS huyện Thái Thụy;*
- *UBND xã H (Nơi ĐKKH);*
- *Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Tương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Tương